

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 141/2018/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 08 tháng 01 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

SỞ TƯ PHÁP KIÊN GIANG	
Số: 168	ĐẾN
Ngày: 18/01/2018	
Chuyên:	
Lưu hồ sơ số:	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 291/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết quy định về lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí cấp giấy chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 193/BC-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, đối tượng miễn nộp, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc đăng ký cư trú; cấp chứng minh nhân dân và thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí cấp chứng minh nhân dân.

3. Đối tượng nộp

a) Người đăng ký cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật cư trú.

b) Người được cơ quan công an cấp chứng minh nhân dân.

4. Tổ chức thu

a) Đối với đăng ký cư trú

a1) Công an thị xã, thành phố;

a2) Công an các xã, phường, thị trấn.

b) Đối với chứng minh nhân dân

b1) Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Kiên Giang;

b2) Công an các huyện, thị xã, thành phố.

5. Đối tượng miễn nộp

a) Bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và những người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; mẹ Việt Nam anh hùng, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng; công dân thường trú tại các xã biên giới; các huyện đảo; đồng bào các dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật;

b) Công dân là trẻ em theo quy định tại Điều 1 Luật trẻ em;

c) Đăng ký cư trú; cấp chứng minh nhân dân cho công dân dưới 18 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa;

d) Điều chỉnh các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, đổi chứng minh nhân dân khi nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính, đổi tên đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú;

đ) Điều chỉnh các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, đổi chứng minh nhân dân khi có sai sót về thông tin trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, trên chứng minh nhân dân do lỗi cơ quan quản lý cư trú, chứng minh nhân dân.

6. Mức thu

Thực hiện theo Biểu mức thu lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí cấp chứng minh nhân dân đính kèm nghị quyết này.

7. Kê khai, thu, nộp

a) Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.

b) Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

c) Tổ chức thu lệ phí thực hiện lập và cấp chứng từ thu lệ phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

8. Quản lý lệ phí thu được

Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 128/2015/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định lệ phí đăng ký cư trú; lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa IX, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 01 năm 2018.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo VP, các phòng và chuyên viên;
- Lưu: VT, PTH, ddqnhut.

CHỦ TỊCH



Đặng Tuyết Em





**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ VÀ
LỆ PHÍ CẤP CHỨNG MINH NHÂN DÂN**
(Kèm theo Nghị quyết số 141/2018/NQ-HĐND ngày 08/01/2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
I	LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ		
1	Đối với việc đăng ký và quản lý cư trú tại các phường thuộc thành phố trực thuộc tỉnh		
a)	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	Đồng/lần đăng ký	15.000
b)	Cấp mới, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú cho hộ gia đình, cho cá nhân	Đồng/lần cấp	20.000
c)	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	Đồng/lần điều chỉnh	8.000
d)	Gia hạn tạm trú	Đồng/lần gia hạn	5.000
2	Đối với việc đăng ký và quản lý cư trú tại các khu vực khác trong tỉnh	Bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu quy định đối với việc đăng ký và quản lý cư trú tại các phường thuộc thành phố trực thuộc tỉnh.	
II	LỆ PHÍ CẤP CHỨNG MINH NHÂN DÂN		
1	Tại các phường thuộc thành phố trực thuộc tỉnh: Cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi	Đồng/lần cấp	9.000
2	Tại các khu vực khác trong tỉnh: Cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi	Đồng/lần cấp	4.500

